

Bản án số: 55/2019/HS-ST

Ngày 19 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Hoi

Ông Ngô Quang Lực

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2019/HSST ngày 24 tháng 07 năm 2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Công C** (tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1995, tại tỉnh Điện Biên. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Tổ 04, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Công Đ - Sinh năm 1963 và bà Hoàng Thị H - Sinh năm 1963; vợ Lò Thị T Hằng (đã ly hôn); Bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2019 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lò Văn T - Sinh năm: 1964.

Nơi cư trú: Đội 14, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 08/04/2019, bị cáo Phạm Công C thuê ông Lò Văn T - sinh năm 1964, nơi cư trú: Đội 14, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, chở xe ôm từ khu vực vòng xuyên trung tâm thành phố Đ xuống bản Xôm, xã Thanh An,

huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên với giá là 50.000đ cả lượt đi và về, bị cáo không nói cho ông T biết việc bị cáo xuống bản Xôm mua ma túy. Khi đi qua một quán tạp hóa ở bản Xôm khoảng 10m, bị cáo bảo ông T dừng xe đứng chờ, một mình bị cáo đi bộ lại gần quán tạp hóa gặp và mua của một người đàn ông (bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ) 10 viên hồng phiến, được gói ngoài bằng nilon màu trắng, với giá 600.000 đồng, mục đích là để sử dụng cho bản thân. Bị cáo cầm gói hồng phiến ở lòng bàn tay trái rồi đi đến chỗ ông T đang đứng chờ bảo ông T chở về. Đến khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, khi bị cáo và ông T đi đến khu vực tổ 06, phường Nam Thanh, thành phố Đ thì bị tổ công tác Công an phường Nam Thanh, thành phố Đ yêu cầu dừng xe, bị cáo đã thả gói ma túy xuống đường. Tổ công tác đã yêu cầu bị cáo về trụ sở Công an làm việc. Tại cơ quan Công an bị cáo khai nhận mình đã thả 10 viên ma túy xuống đường cách vị trí dừng xe khoảng 10m, sau đó bị cáo cùng tổ công tác quay lại chỗ bị cáo thả ma túy và thu giữ toàn bộ số vật chứng.

Tại Bản kết luận giám định số 417/GĐ-PC09 ngày 16/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: Mẫu viên nén màu hồng ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng là 0,98 gam. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại Bản cáo trạng số: 50/CT- VKSTPĐBP ngày 22/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Phạm Công C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại giai đoạn điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn T thừa nhận việc có chở bị cáo xuống bản Xôm nhưng ông không biết bị cáo xuống bản Xôm làm gì. Ông được chứng kiến việc bị cáo khai thả ma túy gần khu vực ông T dừng xe và chứng kiến việc bị cáo cùng tổ công tác xuống chỗ thả gói ma túy. Ông T không yêu cầu bị cáo trả 50.000 đồng tiền công chở xe ôm.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,64 gam Methamphetamine (đã trừ mẫu giám định) và 02 mảnh nilon màu trắng.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không có tranh luận gì với lời luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lò Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Vào hồi 10 giờ 20 phút ngày 08/4/2019 tại khu vực tổ dân phố 06, phường Nam Thanh, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Phạm Công C đã cất giấu 0,98 gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Bởi vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[3]. Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, tàng trữ ... trái phép chất ma túy nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Đ. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo

được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên xét bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[7] Trong hồ sơ vụ án còn thể hiện: Bị cáo mua ma túy của một người đàn ông nhưng không biết tên, địa chỉ nên không có cơ sở xem xét, giải quyết trong vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Theo thỏa thuận bị cáo phải trả cho ông T 50.000 đồng tiền công trở xe ôm, tuy nhiên ông T không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền này, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[9] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu, tiêu hủy: 0,64 gam (không phải sáu mươi tư) Methamphetamine (đã trừ mẫu giám định); 02 (hai) mảnh nilon màu trắng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/7/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

[10]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Công C, phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 08/4/2019).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 0,64 (không phải sáu mươi bốn) gam Methamphetamine (đã trừ mẫu giám định); 02 (hai) mảnh nilon màu trắng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/7/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/9/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố Đ;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.Đ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng